

Số: 101 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 03 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2015
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 05 năm 2016-2020

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI 05 NĂM 2011-2015

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần XI của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết số 30/2010/NQ-HĐND7 ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Bình Dương 5 năm 2011 – 2015; trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp khó lường, thời cơ và thách thức đan xen; kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, kinh tế trong nước và tỉnh còn nhiều khó khăn; tuy nhiên với sự nỗ lực, phấn đấu của các ngành, các cấp và nhân dân trong Tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được kết quả tích cực, kinh tế tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, khó khăn của doanh nghiệp từng bước được tháo gỡ, an sinh xã hội được đảm bảo, quốc phòng an ninh được giữ vững.

A. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2015

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

1. Chỉ tiêu kinh tế

- GDP tăng bình quân tăng 13,1%/năm (Kế hoạch: tăng 13,5-14%/năm) tương ứng với GRDP tăng 8,1%/năm.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, đến năm 2015: công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp với tỷ trọng tương ứng 60% - 37,3% - 2,7% (Kế hoạch: 59% - 38% - 3%). Cơ cấu GRDP công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm với tỷ trọng là 62,9% - 23,08% - 4,58% - 9,44%.
- GDP bình quân đầu người đạt 72,7 triệu đồng (Kế hoạch: 63,2 triệu đồng); GRDP bình quân đầu người đạt 101,2 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng bình quân 3,7%/năm (Kế hoạch: 4 – 4,5%).
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân 15,7%/năm (Kế hoạch: 19 - 20%).
- Giá trị dịch vụ tăng bình quân là 20,9% (Kế hoạch: 22-23%).
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 20,4%/năm (Kế hoạch: 20 - 21%).
- Kim ngạch nhập khẩu tăng 19,1% (Kế hoạch: 16 – 17%).
- Thu ngân sách tăng 10,7%/năm (Kế hoạch: 13-14%).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 18,3% (Kế hoạch: 20 - 21%).
- Thu hút đầu tư nước ngoài 05 năm đạt 10,2 tỷ đô la Mỹ (Kế hoạch: 05 tỷ đô la Mỹ).

2. Chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 62,4% (Kế hoạch đạt 60 - 65%).
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng¹ đạt 8,5% (Kế hoạch <13%).
- Duy trì mức sinh thay thế vững chắc (Mức sinh thay thế năm 2015 là 1,8 con/mẹ).
- Bình quân 1 vạn dân có 6,8 bác sỹ và 27 giường bệnh (Kế hoạch: 6,8 bác sỹ và 27 giường bệnh).
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 98,9% (Kế hoạch: 100%).
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 78%.
- Hàng năm giải quyết việc làm cho 45.000 lao động (Kế hoạch: 44.000 lao động); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% (Kế hoạch >70 %).
- Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2014-2015 của tỉnh.
- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 76,9% (Kế hoạch: 60%).
- Diện tích nhà ở đạt 23,5m²/người (Kế hoạch: 20 m²/người).
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới là 65,3% (Kế hoạch: 40%).

3. Chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 90% (Kế hoạch: 90%).
- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đạt 100% (Kế hoạch: 100%).
- Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 99% (Kế hoạch: 99%).
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98% (Kế hoạch: 98%).
- Tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57% (Kế hoạch: 57%).

II. VỀ KINH TẾ

1. Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp từng bước khắc phục khó khăn, tăng trưởng ổn định, đúng định hướng và vẫn là ngành kinh tế chủ lực của tỉnh với tỷ trọng chiếm trên 60% GDP; phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị đã tạo động lực thúc đẩy dịch vụ - thương mại phát triển. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp bình quân 05 năm 2011 – 2015 đạt 15,7% (Kế hoạch đạt: 19 - 20%/năm); trong đó, khu vực kinh tế trong nước chiếm 31%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 69%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 10,5%.

Sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng, chất lượng và sức cạnh tranh được nâng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Các sản phẩm công nghiệp chế biến và xuất khẩu tăng khá; công nghệ, năng lực sản xuất được nâng lên gắn với xu hướng mở rộng thị trường tiêu thụ của các doanh nghiệp.

¹ Thể cân nặng

Các khu, cụm công nghiệp đã và đang đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và định hướng thu hút đầu tư của tỉnh. Cuối năm 2015, đã có 28 khu công nghiệp được triển khai với tổng diện tích 9.413 ha, trong đó: 26 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy đạt 65%; 6/8 cụm hoạt động với diện tích gần 600 ha và tỷ lệ lấp đầy đạt 45%.

Đã rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; xây dựng Đề án định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020; lập Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020, có xét đến năm 2025; lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 có xét đến năm 2020.

Về hoạt động cung ứng điện: đã đưa vào vận hành và bổ sung trạm 110 KV, 220KV, tổng công suất cấp điện lên 2.179 MVA. Đảm bảo đủ cung ứng đủ điện phục vụ công nghiệp (29,44 triệu MWh - chiếm 80,93%), tăng 10,2%/năm; nâng tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,97%.

2. Dịch vụ - Thương mại – Xuất nhập khẩu

Các hoạt động dịch vụ được chú trọng quan tâm đầu tư và có bước phát triển rõ nét. Giá trị dịch vụ tăng bình quân là 20,9% (Kế hoạch tăng: 22 - 23%). Các dịch vụ chất lượng cao như: viễn thông, tài chính, ngân hàng, logistics, du lịch, kinh doanh bất động sản, thông tin tư vấn, khoa học công nghệ...tăng trưởng nhanh, góp phần nâng cao tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Hoạt động kinh doanh thương mại ngày càng phong phú, đa dạng, góp phần kích cầu tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 22%/năm.

Thu hút nhiều doanh nghiệp, tập đoàn bán lẻ trong và ngoài nước gồm các thương hiệu lớn (như: Big C, Lotte Mart, Aeon, Vinatex, Coop-Mart, Nguyễn Kim, Thiên Hòa,...) đầu tư, xây dựng mạng lưới siêu thị với các phương thức phục vụ tiên tiến; hiện toàn tỉnh có 105 chợ, 11 siêu thị, 05 trung tâm thương mại góp phần tạo ra hệ thống kênh phân phối cho doanh nghiệp, qua đó thay đổi nhanh chóng bộ mặt đô thị tỉnh theo hướng văn minh hiện đại.

Công tác quản lý thị trường, giá cả được tăng cường; công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được đẩy mạnh; thực hiện các chương trình bình ổn, kiểm soát thị trường đã góp phần kiềm chế lạm phát. Chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 tăng 1,1% so với năm 2014 (cả nước tăng 0,63%).

Tỉnh đã tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tổ chức các đoàn đi học tập nghiên cứu tại các quốc gia mà tỉnh có thể mạnh về xuất khẩu sang như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc...; khảo sát tìm kiếm thị trường, tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước. Đã tổ chức thành công Triển lãm thương mại “Bình Dương 40 năm xây dựng và phát triển”; “Triển lãm - Hội chợ thành tựu kinh tế - xã hội tỉnh 05 năm 2010-2015”...

Hoạt động xuất nhập khẩu của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục được phát triển. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân là 20,4%/năm (Kế hoạch 20-21%) với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực truyền thống như: may mặc, giày da, đồ gỗ, gốm mỹ nghệ... và các mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài như: điện tử, sản phẩm điện tử, cơ khí,... Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng và đa dạng với hơn 174 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 19,1%/năm (Kế hoạch đạt 16-17%). Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất và máy móc thiết bị để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp.

Kinh doanh vận tải có bước phát triển khá, đã đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân, doanh nghiệp. Hệ thống giao thông được đầu tư nâng cấp; mạng lưới xe buýt được mở rộng. Khối lượng vận tải hàng hoá và hành khách đều tăng cao. Bình quân giai đoạn 2011-2015: khối lượng vận chuyển hàng hoá tăng 21,7%/năm; luân chuyển tăng 20,3%/năm; khối lượng vận chuyển hành khách 24,7%/năm; luân chuyển tăng 28,3%/năm.

Hệ thống tổ chức tín dụng ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu nguồn vốn và giao dịch cho các thành phần kinh tế và người dân. Cơ cấu lại tín dụng cho vay chuyển dịch theo hướng tập trung vốn cho các dự án hiệu quả thuộc lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, phát triển nông nghiệp nông thôn, cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách; doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao.

Kết quả tổng nguồn vốn huy động đến năm 2015 đạt 115.585 tỷ đồng (Kế hoạch 107.000 tỷ đồng), 18,42%/năm (Kế hoạch đạt 26%/năm), dư nợ tín dụng đạt 95.187 tỷ đồng (Kế hoạch đạt 116.000 tỷ đồng), tăng 15,26%/năm (Kế hoạch 25%/năm). Đến nay có 55 chi nhánh tổ chức tín dụng, 10 quỹ tín dụng nhân dân, 144 phòng giao dịch, 613 máy ATM... nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu giao dịch, thanh toán của doanh nghiệp và người dân.

Các dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển nhanh, đa dạng với chất lượng ngày càng tốt hơn do các đơn vị kinh doanh tăng cường đầu tư áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến để nâng cao chất lượng phục vụ, đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu về dịch vụ viễn thông, Internet, thuê kênh... tại địa bàn các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị.

Ngành du lịch tăng trưởng ổn định hàng năm (bình quân tăng 17% về doanh thu và 5% về lượng khách). Quy hoạch và triển khai các Đề án phát triển du lịch nhằm phát huy du lịch sinh thái ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sản phẩm làng nghề truyền thống gắn với phát huy giá trị các di tích văn hoá lịch sử.

3. Phát triển nông nghiệp - nông thôn

Nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp bình quân tăng 4%/năm (Kế hoạch 4-4,5%/năm). Các chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp kỹ thuật cao gắn với công nghiệp chế biến... được triển khai, bước đầu góp phần chuyển dịch tích cực cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất sản phẩm nông nghiệp có giá trị và hiệu quả cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm,...

Nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao từng bước hình thành và phát triển, tổng diện tích được ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất đạt trên 1.533 ha, đã hình thành 04 khu nông nghiệp công nghệ cao với diện tích 979 ha. Phát triển nông nghiệp đô thị đang được triển khai với các đề án, dự án phát triển nông nghiệp đô thị vùng phía Nam của tỉnh, vùng ven Suối Cái (Tân Uyên),... Công nghiệp chế biến nông, lâm và thủy sản từng bước phát triển gắn với vùng sản xuất, góp phần tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn và khu vực. Công tác xúc tiến thương mại trong nông nghiệp được đẩy mạnh, nhiều loại nông sản được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, chứng nhận nhãn hiệu và được đưa vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng, góp phần ổn định đời sống nông dân, nông thôn.

Nhiều nguồn lực được huy động hiệu quả đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng các xã nông thôn mới và nâng cấp các xã phát triển theo hướng đô thị lên phường; bộ mặt nông thôn từng bước đổi mới, đời sống người dân ngày một nâng cao. Đã có 65,3% xã đạt tiêu chí nông thôn mới (Kế hoạch 40%); lao động nông nghiệp chiếm khoảng 10% trong tổng số lao động; thu nhập người dân khu vực nông thôn năm 2015 đạt 59 triệu đồng/người; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98% (Kế hoạch đạt 98%).

Công tác phòng chống cháy rừng, phòng chống lụt bão, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai thực hiện thường xuyên, kịp thời và có hiệu quả. Hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư, nâng cấp đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt 57% (Kế hoạch đạt 57%).

4. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai có nhiều chuyển biến. Đã trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015 các cấp trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch tạo quỹ đất sạch giai đoạn 2013 - 2015 phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; công tác đo đạc, lập và chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính hoàn thành cơ bản. Cơ sở dữ liệu địa chính ngày càng hoàn thiện đã phục vụ tích cực cho mục tiêu hiện đại hóa công tác quản lý đất đai. Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đạt trên 99%.

Đã cơ bản hoàn tất việc điều tra về tài nguyên nước và khoáng sản; tăng cường công tác quản lý góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước và khoáng sản trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt việc phối hợp với các tỉnh trong lưu vực sông Đồng Nai để kiểm tra, xử lý các vi phạm về môi trường và khai thác cát liên tỉnh; phối hợp với các Bộ, ngành, Trung ương để triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đã xây dựng và từng bước triển khai kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương cho từng giai đoạn đến năm 2030.

Công tác bảo vệ môi trường của tỉnh thời gian qua được đặc biệt quan tâm chỉ đạo nên đã đạt được những kết quả quan trọng, mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát, kiểm chế; tình trạng ô nhiễm môi trường từng bước được khắc phục và cải thiện tích cực; chất lượng nước các kênh rạch tiếp nhận nước thải công

nghiệp, đô thị từng bước cải thiện, chất lượng nước sông Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Tính được đảm bảo; việc khai thác, sử dụng tài nguyên ngày càng được quản lý chặt chẽ và hợp lý hơn.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Ban hành và thực hiện quyết liệt chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm trong các khu dân cư, đô thị; chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thay đổi hoặc cải tiến công nghệ sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

Tỉnh đã ban hành quy định về bố trí ngành nghề sản xuất công nghiệp; quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; quy định về vùng cấm và hạn chế khai thác nước dưới đất, quy định bảo vệ môi trường; lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý môi trường.

Đầu tư trang bị 56 hệ thống quan trắc nước thải tự động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường ở các nguồn nước thải công nghiệp lớn một cách có hệ thống. Đến nay, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 90% (Kế hoạch đạt 90%), tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đạt 100% (Kế hoạch đạt 100%).

5. Huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 05 năm 2011 - 2015 đạt 257.668 tỷ đồng (Kế hoạch đạt 240.000 tỷ đồng), tăng bình quân 18,3% (Nghị quyết 20-21%) trong đó vốn đầu tư thực hiện khu vực FDI chiếm tỷ trọng cao nhất với 48,4%, tiếp đến là vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước với 32,6%, khu vực đầu tư công chiếm 7,7%...

Tổng vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2011 - 2015, đạt hơn 98.600 tỷ đồng (chiếm 38,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội); tăng bình quân 14,0%/năm. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước chiếm 24,8%; còn lại là các nguồn vốn khác của doanh nghiệp và dân cư.

Đầu tư công: công tác quản lý nhà nước về đầu tư và xây dựng đã được quan tâm, chỉ đạo theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, cơ cấu vốn đầu tư được hợp lý. Công tác thẩm định dự án, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công – dự toán, lựa chọn nhà thầu được thực hiện đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh. Công tác phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện tốt, bám sát các chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo và các cấp, các ngành tổ chức triển khai tích cực cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện dự án. Phân cấp trong đầu tư được thực hiện mạnh mẽ, gắn với phân cấp, phân quyền và phân trách nhiệm. Trong giai đoạn 2011 – 2015, tổng vốn đầu tư công của tỉnh là 21.500 tỷ đồng, trong đó bố trí cho 722 dự án đầu tư của tỉnh và phân cấp cho các huyện, thị xã, thành phố quản lý chiếm 40% tổng vốn đầu tư.

Nguồn vốn ODA: được chính quyền cùng các chủ đầu tư tranh thủ tối đa từ 05 nhà tài trợ² với tổng số vốn tài trợ theo các hiệp định vay khoảng 8.134 tỷ đồng

² Các nhà tài trợ: JICA, ADB, WB, EDCF, CP Phần Lan, CP Hà Lan.

cho 06 công trình cấp thoát nước, xử lý môi trường và 01 công trình giáo dục trên địa bàn³; Đã thực hiện giải ngân hơn 2.857 tỷ đồng vốn ODA. Các dự án ODA không chỉ phục vụ cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt trong tỉnh mà còn cung cấp cho người dân và doanh nghiệp vùng giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh; góp phần cải thiện vệ sinh môi trường của tỉnh, hiện đại hóa cơ sở vật chất cho lĩnh vực dạy nghề, phát triển bền vững của tỉnh.

Huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách: Thực hiện có hiệu quả các hình thức đầu tư BOT, BT và đầu tư của doanh nghiệp để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm. Các Tổng công ty nhà nước trực thuộc tỉnh (chủ lực là Tổng công ty Đầu tư phát triển Công nghiệp Becamex⁴) đã phát huy mạnh mẽ vai trò tiên phong tham gia đầu tư các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, thương mại – dịch vụ và các hạ tầng văn hóa – xã hội quan trọng của địa phương, giảm áp lực cho nguồn vốn đầu tư công của tỉnh.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: Trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, tỉnh vẫn thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư và là một trong những địa phương dẫn đầu về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong cả nước. Tổng vốn đăng ký đầu tư lên đến 10,2 tỷ đô la Mỹ (Kế hoạch đạt 05 tỷ đô la Mỹ) với 725 dự án đăng ký mới và 685 dự án điều chỉnh tăng vốn. Lũy kế đến cuối năm 2015, tỉnh đã thu hút được 2.587 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký đầu tư là 23,65 tỷ đô la Mỹ. Đa số là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thuộc lĩnh vực công nghiệp được thu hút vào các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, một số dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bất động sản và dịch vụ thương mại đã góp phần phát triển đô thị và dịch vụ theo đúng định hướng của tỉnh.

Đăng ký thành lập doanh nghiệp: đã có 11.439 doanh nghiệp đăng ký mới và bổ sung vốn với tổng số vốn đăng ký là 53.481 tỷ đồng. Lũy kế tổng số doanh nghiệp đến cuối năm 2015 là 21.185 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 174.300 tỷ đồng.

Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước: Thực hiện việc sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp thành viên thuộc 02 Tổng công ty Nhà nước và 01 Tổng công ty của Đảng thuộc Tỉnh theo đúng lộ trình được phê duyệt tại Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh đã có chủ trương cổ phần hóa 02 Tổng công ty thuộc Tỉnh là Tổng Công ty Becamex IDC và Tổng Công ty Thanh lễ. Các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp của Đảng sản xuất kinh doanh hiệu quả, thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và mở rộng đầu tư trong nước và nước ngoài.

Phát triển kinh tế tập thể: Kinh tế tập thể tiếp tục được qua tâm chỉ đạo, có những bước phát triển ở một số lĩnh vực. Tính đến nay, toàn Tỉnh có 344 tổ hợp tác, 116 hợp tác xã, hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực nông nghiệp, vận tải, tiểu thủ

³ Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn I, giai đoạn II, Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng, Cấp nước khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước, Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, Nhà máy nước Tân Hiệp, Dự án Nhà xưởng thực hành Trường Trung cấp nghề Việt - Hàn Bình Dương.

⁴ Tổng vốn đầu tư các công trình của Becamaex IDC hơn 10.000 tỷ đồng.

công nghiệp, xây dựng, thương mại – dịch vụ, tín dụng nhân dân, góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống cho các thành viên.

6. Quy hoạch và phát triển đô thị

Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020 bổ sung quy hoạch đến năm 2025; các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, thị xã, thành phố đã và đang được điều chỉnh phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Tỉnh.

Thực hiện mục tiêu đẩy mạnh xây dựng, phát triển đô thị làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội và định hướng đưa Bình Dương đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020, công tác quy hoạch xây dựng được tỉnh quan tâm chỉ đạo.

Không gian đô thị được phát triển theo phía Nam, phía Bắc và Trung tâm với chùm đô thị và đô thị vệ tinh liên kết chặt chẽ với nhau. Tỉnh đã hoàn thiện quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết các đô thị, các xã. Chương trình Phát triển đô thị tỉnh được tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt.

Tỉnh cũng huy động hiệu quả nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư hạ tầng đô thị, Thành phố mới Bình Dương được đầu tư hoàn thiện về cơ sở hạ tầng; đưa vào sử dụng Trung tâm hành chính tỉnh, một số dự án nhà ở hiện đại cao cấp, hạ tầng giáo dục, thương mại, đường giao thông kết nối đô thị hiện hữu và đô thị mới... được đầu tư nhằm tạo động lực hình thành đô thị trung tâm của tỉnh trong tương lai.

Công tác quản lý và đầu tư chỉnh trang đô thị được quan tâm thực hiện, từng bước đi vào nề nếp. Tỉnh đã tập trung đầu tư các công trình phục vụ cho việc nâng cấp đô thị và được Trung ương công nhận thành phố Thủ Dầu Một đạt tiêu chí đô thị loại II; thị xã Thuận An, Dĩ An đang thực hiện thủ tục đề nghị công nhận đô thị loại III; thị xã Bến Cát và Tân Uyên được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV. Hạ tầng kỹ thuật – xã hội các đô thị được đầu tư đồng bộ, hiện đại với nhiều dự án đô thị, khu dân cư, nhà ở cao tầng, hiện đại được hoàn thiện. Diện tích nhà ở bình quân đạt 23,5 m²/người (Kế hoạch đạt 20m²/người); tỷ lệ đô thị hóa đạt 76,9% (Kế hoạch đạt 60%).

7. Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Tập trung đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, đặc biệt là các công trình nhằm thực hiện các Chương trình đột phá của tỉnh đã đề ra. Đến nay, nhiều công trình hạ tầng quan trọng đã được hoàn thành góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đô thị của tỉnh, cơ bản kết nối với các trung tâm phát triển trong tỉnh và kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng trong Vùng.

+ **Giao thông – Vận tải:** Huy động, thu hút nhiều nguồn lực xã hội với nhiều phương thức đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là các công trình giao thông đối ngoại quan trọng trong tỉnh theo hướng đồng bộ liên hoàn, ưu tiên kết nối hợp lý giữa các trục quốc lộ, đường tỉnh với các đường huyện, với hệ thống giao thông quốc gia và các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Cầu Thủ Biên, đường Mỹ Phước – Tân Vạn, ĐT741, Quốc lộ 13 mở rộng,...). Đồng thời tập trung

xây dựng các trục giao thông đối nội, tăng cường sự liên kết giữa các khu vực trong Tỉnh với Trung tâm Thành phố mới, các trung tâm đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp (Đường Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Văn Lũy, 7A,...) đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác vận động nhân dân cùng nhà nước đầu tư nâng cấp giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới.

+ **Về đầu tư hạ tầng và cung ứng điện:** Hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp được cải tạo, xây dựng mới nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo điện phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Giai đoạn 2011 – 2015, tổng sản lượng điện năng tiêu thụ của toàn tỉnh đạt 36,37 triệu MWh; tổng công suất trạm nguồn 110kV đến 2015 đạt 2.324 MVA (năm 2010 là 1.518 MVA); tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 99,97% (Kế hoạch đạt 99,5%). Hệ thống chiếu sáng, cấp quang trong đô thị được chỉnh trang, cải tạo, bố kỹ thuật và từng bước được ngầm hóa.

+ **Về cấp - thoát nước:** Hạ tầng cấp - thoát nước được đầu tư đồng bộ; tổng công suất cấp nước sạch từ các nhà máy đáp ứng tốt nhu cầu nước sinh hoạt, nhu cầu nước công nghiệp tại các khu đô thị, khu công nghiệp; đã đưa vào sử dụng 7 nhà máy nước, nâng tổng số nhà máy nước lên 28 nhà máy, tổng công suất cấp nước đạt 329.500 m³/ngày, dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 99% (Kế hoạch 99%). Các dự án thoát nước được quan tâm đầu tư thực hiện ở khu vực đô thị và vùng ven, từng bước khắc phục tình trạng ngập cục bộ và ngập úng ở các vùng trũng; đã đầu tư và xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt ở thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Thuận An.

+ **Hạ tầng xã hội:**

Các hạ tầng xã hội giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và du lịch có bước phát triển tốt, nhiều công trình có quy mô lớn, hiện đại và mang tầm quốc tế được đầu tư từ nhiều nguồn lực đã góp phần phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Thực hiện Chương trình phát triển nhà ở xã hội, tỉnh đã triển khai thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư nhiều công trình nhà ở xã hội, góp phần gia tăng sức chứa dân cư của đô thị và chăm lo nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp được Tỉnh quan tâm và thực hiện tốt. Đến nay, đã đầu tư được tổng cộng 82 dự án nhà ở xã hội, với tổng số căn hộ là 85.073, đáp ứng cho hơn 238.300 người, trong đó, đã có 22 dự án đưa vào sử dụng, với tổng số căn hộ là 9.330, đáp ứng cho 36.860 người.

8. Thu – chi ngân sách

Thu ngân sách: tổng thu ngân sách cả nhiệm kỳ đạt 143.611 tỷ đồng; tăng bình quân hàng năm là 10,7% (Kế hoạch đạt 13-14%). Trong đó, thu nội địa tăng bình quân 13,1% (chiếm 68%), thu xuất nhập khẩu tăng 6,1% (chiếm 32%). Năm 2015 thu ngân sách đạt 34.000 tỷ đồng (Kế hoạch là 30.000 tỷ đồng). Một số lĩnh vực có số thu lớn: khu vực kinh tế quốc doanh, ngoài quốc doanh, đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân, phí xăng dầu, thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết.

Chi ngân sách: Điều hành ngân sách linh hoạt, đảm bảo nguồn cho chi đầu tư phát triển. Tổng chi ngân sách 52.547 tỷ đồng, tốc độ tăng chi hàng năm 14,3% (Kế hoạch là 13%), trong đó chi cho đầu tư phát triển chiếm khoảng 46%, chi xây dựng

cơ bản chiếm 40%; thực hiện năm 2015 đạt 13.000 tỷ đồng (Kế hoạch đạt 12.000 tỷ đồng). Thực hiện nghiêm việc tiết kiệm chi ngân sách và tài sản của Nhà nước.

III. Về Văn hóa - Xã hội

1. An sinh xã hội, giảm nghèo, dạy nghề và giải quyết việc làm

Các chính sách an sinh xã hội được Tỉnh quan tâm thực hiện khá đồng bộ, đầy đủ và kịp thời, đời sống nhân dân trong tỉnh ngày càng được nâng lên cả vật chất và tinh thần. Tổ chức việc phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 830 mẹ trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, tỉnh đã xây dựng, sửa chữa được 1.080 căn nhà ở cho người có công với tổng số tiền 43 tỷ đồng. Công tác giảm nghèo được các cấp, các ngành và xã hội quan tâm, cơ bản xóa hộ nghèo theo tiêu chí của tỉnh.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 70%. Tăng cường các hoạt động dạy nghề và hỗ trợ người học nghề. Gắn kết công tác đào tạo nghề theo hướng đáp ứng phát triển thị trường lao động và phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với người lao động và người sử dụng lao động; thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức về pháp luật lao động cho cán bộ công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp.

Hàng năm tạo việc làm mới cho trên 45.000 lao động. Đời sống người lao động ngày càng được doanh nghiệp và Nhà nước quan tâm hơn, tạo niềm tin cho người lao động gắn bó với doanh nghiệp, các vụ tranh chấp lao động tập thể và đình công trái pháp luật giảm qua từng năm.

2. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; phát triển đội ngũ y, bác sĩ; đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh. Nhà nước cùng các thành phần kinh tế đã đầu tư xây mới nhiều bệnh viện đa khoa, chuyên khoa nhằm đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh của người dân. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 8,5% (Kế hoạch đạt 13%), tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đều đạt 100%; duy trì mức sinh thay thế vững chắc.

Tính đến năm 2015, toàn Tỉnh có 03 bệnh viện tuyến tỉnh, 09 trung tâm y tế tuyến huyện, 17 phòng khám đa khoa khu vực, 91 trạm y tế công lập. Có 10 bệnh viện tư nhân, 33 phòng khám đa khoa, 26 cơ sở sản xuất thuốc đạt GMP⁵, 01 cơ sở đạt GSP⁶, 18 cơ sở phân phối GDP⁷ và gần 2.000 cơ sở hành nghề y dược khác. Bình quân trên 1 vạn dân có 6,8 bác sĩ (Kế hoạch đạt 6,8) và 27 giường bệnh (Kế hoạch đạt 27); 100% trạm y tế xã có bác sĩ; 98,9% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, hướng đến bảo hiểm y tế toàn dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 78%.

⁵ Tiêu chuẩn Thực hành sản xuất tốt áp dụng để quản lý sản xuất trong các ngành: dược phẩm, mỹ phẩm, thiết bị y tế, thực phẩm

⁶ Tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc

⁷ Tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. Tăng cường kiểm tra, quản lý công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế tư nhân. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá y tế, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, nhất là đầu tư các cơ sở dịch vụ chất lượng cao để góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Giáo dục và Đào tạo

Giai đoạn 2011-2015, ngành Giáo dục và đào tạo đã triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển giáo dục 2011 – 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo gắn với thực hiện hiệu quả Quy hoạch và Chương trình phát triển nhân lực tỉnh. Tỉnh đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Mạng lưới trường lớp, các cấp học phát triển đều qua các năm. Năm 2015, toàn tỉnh có 554 đơn vị, trường học, tăng 185 trường so với đầu nhiệm kỳ; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 62,4% (Kế hoạch đạt 60-65%); tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn là 63,8% (Kế hoạch đạt 40-45%). Tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp tăng, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào cao đẳng, đại học năm sau cao hơn năm trước (năm 2011 là 58,2%, năm 2014 là 68,4%). Tiếp tục củng cố vững chắc kết quả đạt chuẩn quốc gia chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học theo chuẩn của tỉnh.

Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp phát triển nhanh về quy mô. Hiện trên địa bàn tỉnh có 08 trường đại học, 06 trường cao đẳng, 17 trường trung cấp, 46 cơ sở đào tạo nghề, 50 trung tâm ngoại ngữ, tin học; đặc biệt 02 trường đại học của Tỉnh là Đại học Thủ Dầu Một và Đại học Quốc tế miền Đông không chỉ đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực cho tỉnh mà còn cả ngoài tỉnh.

Hàng năm đều bố trí tăng chi đầu tư ngân sách cho giáo dục, đào tạo bình quân tăng 11,7%. Năm 2015 dự kiến chi 3.000 tỷ đồng (chiếm 23% tổng chi), gấp 2,5 lần so với đầu nhiệm kỳ. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, đã góp phần nâng cao chất lượng ở các bậc học; toàn tỉnh hiện có 178 trường tư thục, tăng 101 trường so với đầu nhiệm kỳ.

Công tác tạo nguồn cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã được quan tâm, đã tuyển sinh 2 khóa với khoảng 200 học viên; tổ chức bồi dưỡng cho 130 học viên đang đảm nhiệm những vị trí chủ chốt ở các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị xã, thành phố để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020; quan tâm tuyển chọn, đào tạo cán bộ nguồn từ học sinh, sinh viên xuất sắc.

4. Văn hoá, Thể thao - Du lịch

Đời sống văn hoá, môi trường văn hoá có sự chuyển biến đáng kể, đến năm 2015, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 94,42% (Kế hoạch đạt 95%). Hoạt động văn hoá nghệ thuật có sự chuyển biến đa dạng về nội dung và loại hình, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân; nhất là đáp ứng nhu cầu công nhân tại các khu công nghiệp.

Các phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao thu hút đông đảo quần chúng và vận động viên tham gia. Thể thao thành tích cao đạt nhiều huy chương cấp quốc gia và quốc tế. Tập trung đầu tư 20 môn thể thao thể mạnh như: bóng đá, xe đạp, quần vợt, thể dục thể hình,... Cơ sở vật chất và trang thiết bị bước đầu đáp ứng yêu cầu tập luyện của các vận động viên, đảm bảo yêu cầu công tác tổ chức các giải đấu lớn quốc gia và quốc tế tại tỉnh.

Các di tích văn hóa - lịch sử trên địa bàn đã được trùng tu, tôn tạo; Triển khai đầu tư khu di tích nhà tù Phú lợi, khu di tích lịch sử rừng Kiến An, khu tưởng niệm Chiến khu D; địa đạo Tây Nam Bến Cát, Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hoá, thể thao đạt tỷ lệ 37,36% (Kế hoạch đạt 55 - 60%); đã hoàn thành và đưa vào hoạt động công trình Nhà thi đấu thể thao đa năng Tỉnh.

5. Khoa học - Công nghệ, Thông tin - Truyền thông

Công tác quản lý thông tin trên các phương tiện truyền thông được chú trọng, chất lượng thông tin từng bước được nâng cao. Các cơ quan báo, đài thực hiện cung cấp thông tin theo đúng định hướng tuyên truyền, phục vụ tích cực công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động của các cấp các ngành và tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

Mạng lưới dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet tiếp tục được đầu tư mở rộng, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu thông tin liên lạc tăng cao của nhân dân. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, đặc biệt là trong hệ thống cơ quan nhà nước; nâng cao chất lượng hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và góp phần cải cách, hiện đại hoá nền hành chính từ tỉnh đến cơ sở. Mạng lưới bưu cục, hạ tầng viễn thông từng bước được chuẩn hóa, bảo đảm mỹ quan, an toàn, an ninh thông tin mạng và đáp ứng tối đa việc cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp. Tính đến nay, tỷ lệ dân sử dụng internet băng thông rộng đạt 14,12 thuê bao/100 dân, tỷ lệ dân sử dụng điện thoại cố định đạt 9,1 thuê bao/100 dân, điện thoại di động đạt 147,3 thuê bao/100 dân.

Hoạt động khoa học công nghệ được chủ động triển khai tích cực. Đã triển khai, thực hiện 73 đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ; nghiệm thu 101 đề tài; tỷ lệ ứng dụng đạt 92% tăng hơn 6% so với đầu nhiệm kỳ. Tỉnh đã thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Tỉnh, ngoài ra còn có 30 tổ chức và 12 doanh nghiệp (trong đó có 5 doanh nghiệp khoa học công nghệ) thành lập quỹ phát triển khoa học công nghệ. Hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ được nâng cao góp phần tạo chuyển biến về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

IV. Về Nội chính

1. Nội chính, cải cách hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được kiện toàn, củng cố thông qua việc đẩy mạnh thực hiện cải cách chế độ công vụ, công chức thông qua việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu quả; triển khai thực hiện Đề án xác định vị trí việc làm và

Đề án tinh giản biên chế cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức đảm bảo tính công khai, cạnh tranh công bằng; đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý tổ chức biên chế và tự chủ về kinh phí hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập;

Cải cách hành chính được đẩy mạnh và đạt những kết quả tích cực, thông qua việc đưa Trung tâm Hành chính của tỉnh đi vào hoạt động, thành lập Trung tâm Hành chính công nhằm triển khai thực hiện đồng bộ Đề án tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại cấp tỉnh và cấp huyện, đồng thời với việc tăng cường ứng dụng tin học vào công tác quản lý hành chính nhà nước, công tác tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện việc lấy ý kiến, tổng hợp báo cáo kết quả đóng góp của các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đối với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp; tham mưu tổng kết các Luật: Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự; Luật Ban hành văn bản QPPL. Công tác theo dõi thi hành pháp luật đã được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, các mặt hoạt động đã được triển khai tổ chức thực hiện có nhiều chuyển biến tích cực. Thực hiện tuyên truyền, trợ giúp pháp lý chủ yếu hướng đến các đối tượng là người dân, công nhân lao động, qua đó đã góp phần đưa pháp luật vào sâu trong nhân dân.

Công tác cải cách tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh. Bộ máy các cơ quan tư pháp tiếp tục được kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Công tác xây dựng, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đi vào nề nếp theo kế hoạch hàng năm. Công tác thi hành án dân sự được đôn đốc, chỉ đạo kịp thời.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân theo quy định, góp phần hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp. Công tác thanh, kiểm tra được tăng cường, đảm bảo việc chấp hành pháp luật của các ngành, các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được quan tâm chỉ đạo.

2. Quốc phòng – An ninh

Nhiệm vụ quốc phòng – an ninh địa phương được triển khai toàn diện, sâu rộng và đạt hiệu quả thiết thực. Công tác bồi dưỡng, phổ biến, tuyên truyền về quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được thực hiện tốt. Các phương án phòng thủ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở và tổ chức diễn tập ở các cấp đảm bảo yêu cầu theo kế hoạch đề ra. Cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương được đầu tư khá mạnh, đồng thời hỗ trợ đáng kể cho các đơn vị chủ lực trên địa bàn.

Công tác kêu gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu, đúng luật, dân chủ và công bằng. Chất lượng chính trị, học vấn, chuyên môn kỹ thuật của thanh niên nhập ngũ ngày càng được nâng cao. Đã thành lập 03 trung đội Dân quân thường trực địa phương hoạt động trên địa bàn các Khu công nghiệp, mô hình được Quân khu đánh giá hiệu quả cao, phát huy tác dụng và khuyến khích nhân rộng.

Thực hiện tốt công tác nắm tình hình, giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề nổi lên trên lĩnh vực an ninh, trật tự. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị quan trọng, không để xảy ra khủng bố, phá hoại. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, không để xảy ra “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, không để hình thành tổ chức chính trị đối lập; đảm bảo tốt an ninh trên các lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, thông tin, kinh tế, dân tộc, tôn giáo, xã hội.

Đẩy mạnh tấn công trấn áp tội phạm, đấu tranh quyết liệt, triệt phá nhiều băng nhóm tội phạm, tạo được sự đồng tình, ủng hộ của dư luận và Nhân dân. Công tác điều tra, khám phá án đạt tỷ lệ cao. Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt trong công tác tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát, xử lý nhằm thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông. Tình hình trật tự an toàn giao thông được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí, đạt được mục tiêu đã đề ra.

Tổ chức bộ máy Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy được kiện toàn, thực hiện tốt chức năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Tỉnh, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho địa phương.

3. Hoạt động đối ngoại

Trong những năm qua tỉnh Bình Dương đã thực hiện tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, mở rộng các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác đầu tư. Những hoạt động đối ngoại trong thời gian qua đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh của tỉnh Bình Dương; duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài; củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các địa phương và các bên đối tác nước ngoài nhằm đẩy mạnh các hoạt động hợp tác hữu nghị. Tỉnh Bình Dương đã ký kết quan hệ hợp tác hữu nghị với các địa phương nước ngoài như tỉnh Champasack (nước CHDCND Lào), tỉnh Kratie (Campuchia), thành phố Daejeon (Hàn Quốc), thành phố Quảng Châu (Trung Quốc), vùng Emilia Romagna (Ý), tỉnh Yamaguchi (Nhật Bản), tỉnh Đông Flanders (Bỉ), thành phố Eindhoven và thành phố Emmen (Hà Lan).

V. Đánh giá chung

Trong nhiệm kỳ, dù tình hình thế giới có nhiều biến động, diễn biến phức tạp, tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, song các ngành, các cấp của Tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ, các Nghị quyết, chủ trương của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Cùng với sự phối hợp, nỗ lực của các ngành các cấp, của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp, kết quả đạt được khá toàn diện, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý điều hành, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc, có bước đột phá trong cải cách hành chính được Nhân dân và doanh nghiệp ủng hộ.

Bên cạnh những mặt làm được nêu trên vẫn còn những tồn tại, hạn chế như sau:

- Quy mô kinh tế của tỉnh còn nhỏ, cơ cấu nội bộ ngành còn bất cập, chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng đã cơ bản kết nối được với các trung tâm phát triển trong tỉnh và với hệ thống kết cấu hạ tầng trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam nhưng còn chưa thông suốt từ nơi sản xuất đến hệ thống sân bay, cảng biển và nơi tiêu thụ để có hiệu quả tối ưu. Chưa thực sự phát triển đồng bộ hệ thống giao thông đường thủy, đường sắt trên địa bàn tạo ra mạng lưới giao thông đa phương tiện. Hạ tầng xã hội phát triển chưa đáp ứng kịp sức do dân số tăng cơ học tăng nhanh, đặc biệt là nhà ở, giáo dục, y tế.

- Các loại hình dịch vụ tuy đã có bước phát triển nhưng vẫn chưa tương xứng tiềm năng của tỉnh, đặc biệt là các dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao và các dịch hỗ trợ phát triển công nghiệp và đô thị...

- Nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển ngày càng tăng của tỉnh.

- Nguồn nhân lực vẫn còn thiếu về số lượng và chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển nhanh và hội nhập quốc tế rộng và sâu, đặc biệt là nguồn nhân lực trình độ, tay nghề cao.

- Trình độ công nghệ sản xuất hàng hóa xuất khẩu còn hạn chế; khả năng ứng dụng công nghệ mới còn chậm, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu. Tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm xuất khẩu còn thấp, giá trị gia tăng chưa cao.

- Vấn đề môi trường đã được chú trọng, tập trung ở những KCN và đô thị mới, nhưng chưa đồng bộ trong tất cả các cơ sở sản xuất. Ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất ngoài các khu, cụm công nghiệp chưa được giải quyết triệt để.

- Cơ sở vật chất và việc phân bổ mạng lưới các trường học ở một số nơi còn chưa hợp lý, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả khai thác sử dụng. Cơ sở vật chất trường học ở các đô thị phía Nam của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu học tập, đặc biệt là trường mẫu giáo và tiểu học.

- Tình trạng quá tải trong một số bệnh viện tuyến tỉnh chưa được khắc phục. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, năng lực, chất lượng, hiệu quả khám chữa bệnh còn hạn chế so với yêu cầu.

Phần thứ hai:
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG 05
NĂM 2016-2020

I. Những căn cứ để xây dựng kế hoạch

1. Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội ngày 12/04/2016,
2. Chỉ thị số 22/CT-TTg, ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020.
3. Các Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng Đông Nam bộ.
4. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, các sản phẩm chủ yếu của tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt.
5. Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020.
6. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ X.
7. Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015. Dự báo thuận lợi, khó khăn của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

II. Những thuận lợi - khó khăn

Thuận lợi, những kết quả đạt được trong thời gian qua, cũng như những thành tựu về kinh tế - xã hội qua 18 năm tái lập Tỉnh, cùng với sự đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, điều hành là nền tảng, động lực quan trọng để các ngành, các cấp cùng toàn thể nhân dân và doanh nghiệp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

Kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh; tự do hoá thương mại giữa các khu vực được ký kết và việc hình thành Cộng đồng chung ASEAN sẽ thúc đẩy thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư giữa các bên tham gia.

Khó khăn, khủng hoảng chính trị, căng thẳng về an ninh, tranh chấp chủ quyền tại nhiều khu vực trên thế giới, cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt.

Một số hạn chế yếu kém, tồn tại nhiều năm nhưng rất khó sớm khắc phục như quy mô kinh tế còn nhỏ, cơ cấu nội bộ ngành còn bất cập, chất lượng tăng trưởng còn thấp; khu vực dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa thông suốt. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu; trình độ công nghệ sản xuất hàng hóa xuất khẩu còn hạn chế; khả năng ứng dụng công nghệ mới còn chậm, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển... đây là một thách thức lớn trong quá trình phát triển.

Những bức xúc trong quan hệ lao động, trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tình hình tội phạm... cũng tiềm ẩn những nguy cơ làm mất ổn định an ninh trật tự xã hội, ảnh hưởng đến môi trường kinh tế của Tỉnh.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

1. Mục tiêu

Tập trung nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng quy mô nền kinh tế, đảm bảo phát triển bền vững và tăng trưởng hợp lý. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ - công nghiệp gắn với quá trình đô thị hóa, đầu tư phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của người dân. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Bình Dương trở thành đô thị văn minh, giàu đẹp, là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020.

2. Chỉ tiêu chủ yếu 05 năm 2016 - 2020

*** Chỉ tiêu về kinh tế:**

- Tổng sản phẩm trong Tỉnh (GRDP) tăng bình quân 8,3%/năm;
- Cơ cấu kinh tế (GRDP) của tỉnh đến năm 2020 công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tương ứng đạt 63,2% - 26% - 3% - 7,8%;
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 8,7%/năm;
- GRDP bình quân đầu người đạt 142,6 triệu đồng;
- Thu ngân sách tăng 8,9%/năm;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 35% GRDP;
- Thu hút đầu tư nước ngoài đạt trên 07 tỷ đô la Mỹ;
- Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn được sử dụng điện đạt 99,97%.

*** Chỉ tiêu về xã hội:**

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 70-75% (tính trên hệ thống trường công lập);
- Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi là dưới 8,5%;
- Duy trì mức sinh thay thế vững chắc;
- Duy trì 100% xã, phường, thị trấn có bác sĩ phục vụ;
- Bình quân 1 vạn dân có 27 giường bệnh⁸ và 7,5 bác sỹ;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%;
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt 100%;
- Hàng năm giải quyết việc làm 45.000 lao động;
- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh giảm hàng năm, đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh;
- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 82%;
- Diện tích nhà ở bình quân đạt 30 m²/người.

⁸ Không tính số giường bệnh tuyến xã

- Đạt 100% số xã và 3 đến 4 huyện thị đạt chuẩn nông thôn mới.

*** *Chỉ tiêu về môi trường***

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 90%;
- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%;
- Tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57,5%.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

*** *VỀ KINH TẾ***

1. Phát triển công nghiệp

- Phân đầu đến năm 2020, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp lớn, từng bước trở thành thành phố công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp có hàm lượng giá trị gia tăng cao, sạch, thân thiện với môi trường, nâng dần tỷ lệ nội địa hoá sản phẩm xuất khẩu, giảm dần các ngành sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản và lao động phổ thông.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn: điện, điện tử, viễn thông, tin học, cơ khí, hoá chất...

- Phát triển công nghiệp gắn với hình thành các khu vực dịch vụ - đô thị, xây dựng nhà ở công nhân và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

- Xây dựng lộ trình chuyển đổi công năng các khu, cụm công nghiệp phía Nam theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, sử dụng ít lao động, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, dịch vụ; khuyến khích phát triển công nghiệp phía Bắc gắn với xây dựng nông thôn mới, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, gắn với phát triển các vùng nguyên liệu. Tập trung triển khai các Khu công nghiệp đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phát triển các ngành dịch vụ

- Phân đầu tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm khoảng 26% trong cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP) của tỉnh, tăng trưởng giá trị ngành dịch vụ đạt 10,2%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 18%/năm; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt 15%/năm.

- Tập trung phát triển các ngành, sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp, đô thị theo hướng văn minh, hiện đại tiến tới hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát triển mạnh một số ngành dịch vụ như: thương mại điện tử, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, bất động sản, đào tạo nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện dịch vụ mũi nhọn nhằm hỗ trợ tối đa ngành công nghiệp của tỉnh như dịch vụ kho, cảng, vận tải chuyên dùng, cung ứng lao động...

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, kêu gọi đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ như: các trung tâm tài chính, ngân hàng, siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Thủ Dầu Một và trung tâm thương mại cấp khu vực tại khu vực phía nam của tỉnh. Xây dựng các trung tâm thương mại tại đô thị Nam Bến Cát, Nam Tân Uyên theo hướng hiện đại gắn với phát triển các đô thị mới và các trung tâm thương mại cấp huyện ở Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên.

- Phát triển thương mại theo hướng nhiều thành phần kinh tế tham gia, chú trọng đến phát triển thương mại điện tử, trung tâm phân phối, siêu thị đầu mối các sản phẩm có lợi thế của tỉnh nhằm khuyến khích hoạt động thương mại nhanh hơn, hiệu quả hơn.

- Chú trọng công tác quy hoạch sắp xếp lại theo hướng văn minh, tập trung các loại hình dịch vụ bán lẻ, hàng nhu yếu phẩm...gần các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị nhằm góp phần giải quyết vấn đề an ninh, trật tự và mỹ quan đô thị. Tiếp tục nâng cấp, phát triển mạng lưới chợ phục vụ việc bán buôn, bán lẻ đến các vùng nông thôn.

- Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường nội địa tiêu thụ sản phẩm đến các tỉnh, thành trong nước; tăng cường thực hiện các hoạt động đẩy mạnh thực hiện chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” thông qua các phiên chợ hàng Việt phục vụ công nhân, nông dân và hội chợ triển lãm hàng Việt Nam chất lượng cao; tổ chức các chuyến hàng lưu động đưa hàng hóa phục vụ nhân dân ở vùng sâu, vùng xa. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, tăng cường kiểm soát giá cả, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; đẩy mạnh thực hiện các chương trình bình ổn, kiểm soát thị trường, kiềm chế lạm phát, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu, để tiêu thụ hàng hoá, định hướng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đăng ký thương hiệu sản phẩm trên các thị trường xuất khẩu. Củng cố và mở rộng thị phần hàng hoá tại các thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng. Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường nước ngoài và lộ trình cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao hiệu quả xuất khẩu hàng hoá sang các thị trường đã ký các thoả thuận tự do thương mại.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu và nguồn nguyên liệu đầu vào cung ứng trong nước.

- Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt và chủ động theo chủ trương của Trung ương nhằm kiểm soát mức tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng đối với nền kinh tế, đảm bảo phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Huy động vốn trong nền kinh tế tăng bình quân 17,5%/năm; Dự nợ tín dụng tăng 15,5%/năm; Nợ xấu được kiểm soát dưới 3%. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; khuyến khích các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; sắp xếp lại tổ chức và hoạt động các loại quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Cơ cấu dự nợ cho vay theo hướng tập trung vốn cho các dự án hiệu quả thuộc lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, phát triển nông

ng nghiệp nông thôn, cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng chính sách và vốn lập nghiệp cho đối tượng lao động nông thôn; doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Từng bước nâng cao tỉ trọng ngành du lịch và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thông qua việc triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Bình Dương, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh địa phương và con người Bình Dương. Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của tỉnh, đặc biệt là du lịch sinh thái dọc tuyến sông Sài Gòn, Đồng Nai, quần thể núi Cậu huyện Dầu Tiếng và các điểm du lịch văn hóa, lịch sử đặc sắc của tỉnh.

3. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Phân đầu giá trị gia tăng ngành nông – lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng bình quân đạt 2,5%/năm. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp/ha, với mục tiêu đạt giá trị sản xuất khoảng 80-100 triệu đồng/ha/năm vào năm 2020; riêng nông nghiệp công nghệ cao bình quân/ha canh tác/năm đạt từ 150-200 triệu đồng.

- Tăng cường công tác khuyến nông, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học. Phát triển cây ăn quả đặc sản ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực rừng phòng hộ núi Cậu (huyện Dầu Tiếng); phát triển các khu nông nghiệp áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao, các vùng nông nghiệp đô thị và cây ăn quả đặc sản.

- Đẩy mạnh ngành chăn nuôi theo hướng công nghệ cao, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, chăm sóc, phát triển rừng, nhất là rừng lịch sử, rừng phòng hộ. Tăng tỷ lệ cây xanh che phủ nhằm cải thiện môi trường sinh thái, cảnh quan du lịch. Đến năm 2020, tỷ lệ độ che phủ rừng, cây lâm nghiệp, cây công nghiệp lâu năm đạt 57,5%.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ phù hợp từng khu vực nông thôn. Xây dựng các khu dân cư nông thôn, có một số điều kiện theo kiểu đô thị hóa. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục giữ vững, duy trì mức độ hoàn thành và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Phân đầu 100% số xã và 3 - 4 huyện thị đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Thu nhập bình quân của dân cư nông thôn đạt trên 59 triệu đồng/người/năm.

4. Tài nguyên, môi trường

- Đến năm 2020, hoàn thành 100% việc cấp giấy chứng nhận, tiến hành giao đất, thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch được phê duyệt; xử lý triệt để 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đảm bảo không để phát sinh trường hợp mới; 100% các dự án đầu tư mới phải có hệ thống xử lý và bảo vệ môi trường; 100% các KCN, CCN đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt

100%; 100% các cơ sở mới sản xuất – kinh doanh phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường quản lý và phát triển thị trường bất động sản, quản lý chặt chẽ công tác phân lô bán nền theo quy hoạch.

- Từng bước chấm dứt tình trạng thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép và tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; bảo đảm khai thác hài hòa giữa nguồn nước mặt và nước ngầm.

- Nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu của cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng; đảm bảo hạn chế tối đa tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven sông Sài Gòn và sông Đồng Nai; giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và khắc phục tình trạng ngập lụt đến cơ sở hạ tầng đô thị.

- Hạn chế tối đa việc thu hút đầu tư sản xuất ngoài khu công nghiệp, các ngành nghề có mức độ ô nhiễm môi trường cao kể cả trong và ngoài khu công nghiệp.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thanh, kiểm tra, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm các quy hoạch, các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường; cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

- Xử lý triệt để những cơ sở gây ô nhiễm môi trường; hoàn thành di dời những cơ sở gây ô nhiễm đan xen trong các khu dân cư.

- Đôn đốc, kiểm tra các nhà đầu tư khu, cụm công nghiệp trong việc đầu tư xử lý, khắc phục có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường. Xây dựng chương trình ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu trên địa bàn tỉnh, giải quyết kịp thời các sự cố về môi trường.

5. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng và phát triển đô thị

a. Về quy hoạch

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch sử dụng đất; tập trung triển khai phủ kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới. Khắc phục tình trạng thiếu thống nhất, chồng chéo, bất hợp lý giữa các loại quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, quy hoạch, thiết kế đô thị. Từng bước đồng bộ hóa quy định về quản lý đô thị theo mô hình chính quyền đô thị văn minh, hiện đại. Có phương án quy hoạch lại vị trí cơ quan nhà nước sau khi di dời vào Trung tâm Hành chính để chuyển đổi công năng tạo nên các điểm nhấn đô thị và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Triển khai thực hiện tốt quan điểm, mục tiêu theo chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 – 2020.

- Quy hoạch, xây dựng các công trình hạ tầng chợ bán buôn, bán lẻ hướng đến nâng cao mỹ quan đô thị, giữ gìn trật tự an ninh tại khu vực các khu, cụm công nghiệp góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

b. Xây dựng hệ thống hạ tầng

- Huy động các nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh theo hướng hạ tầng giao thông vận tải phải đi trước một bước nhằm gắn kết các đầu mối giao thông trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam. Lựa chọn những dự án quan trọng tạo sự đột phá và có sức lan toả lớn để đầu tư, bảo đảm sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước và gắn với lộ trình nâng cấp đô thị tạo điều kiện đưa Bình Dương trở thành đô thị loại I trước năm 2020 theo hướng thông minh, giàu đẹp.

- Thực hiện một số dự án quan trọng với phương thức đầu tư đối tác công – tư (PPP), xã hội hóa như: mở rộng suối Cái, cải tạo hồ Thị Tính, xây dựng hệ thống dẫn nước từ kênh Phước Hòa, cầu Bạch Đằng 2, đường Thủ Biên - Đất Cuốc, các đập Thanh An, Mỹ Phước, Cua Pari, các trung tâm hành chính và bệnh viện của huyện Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, Đại học Thủ Dầu Một, đường nối từ tạo lực 2B đến cảng Thạnh Phước... Khuyến khích các doanh nghiệp cùng với nhà nước đầu tư các tuyến đường giao thông quan trọng như trục giao thông Mỹ Phước – Tân Vạn – Bàu Bàng, ĐT 747B, ĐT 746, đường ĐT 743 (đoạn Miếu Ông Cù – Sóng Thần); đường Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng...

- Phát triển mạnh giao thông công cộng chuẩn bị cho quá trình kết nối với thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là hệ thống metro kết nối từ Suối Tiên thành phố Hồ Chí Minh – khu đô thị mới Bình Dương – Đồng Nai và tuyến xe buýt xung quanh thành phố Thủ Dầu Một – khu đô thị mới – Suối Tiên thành phố Hồ Chí Minh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển dịch vụ logistics, xây dựng hạ tầng cảng sông, kho bãi và các dịch vụ tổng hợp, hạ tầng thương mại dịch vụ cao cấp và hạ tầng các khu công nghiệp đã có chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

- Từng bước nghiên cứu ngầm hóa hệ thống điện trung, hạ thế khu vực đô thị tập trung phía Nam; đảm bảo nguồn điện cung cấp ổn định, an toàn, liên tục. Ngầm hoá hệ thống cáp truyền thông tin trên toàn đô thị Bình Dương, tiến hành quy hoạch bố cáp điện thoại trong nội ô thành phố Thủ Dầu Một và các thị xã.

- Đầu tư xây dựng các nhà máy nước đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt; đầu tư, khai thác hiệu quả tuyến dẫn nước kênh thủy lợi Phước Hòa để cung cấp cho đô thị, công nghiệp và nông nghiệp. Tiếp tục triển khai đề án cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường Nam Bình Dương. Đấu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung đô thị.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới, đặc biệt là nhà ở xã hội, giáo dục và y tế. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng khu đô thị đại học Cổng Xanh để thu hút các trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế đến đầu tư phát triển. Tập trung hình thành và phát triển từ 2-3 cơ sở đào tạo nghề có quy mô lớn, chất lượng đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và Vùng Đông Nam bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

c. Về phát triển đô thị

- Rà soát và huy động đa dạng các nguồn vốn để đầu tư các công trình đáp ứng tiêu chí nâng cấp đô thị như: giao thông, cấp điện, cấp - thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nội thị, nhà tang lễ, cây xanh,... hoàn thành mục tiêu đưa Bình Dương trở thành đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 82%; diện tích nhà ở bình quân đạt 30 m²/người; tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 100%.

- Phát triển đô thị Bình Dương sẽ theo 3 khu vực đô thị: Đô thị trung tâm (TP. Thủ Dầu Một, đô thị Nam Tân Uyên, Bến Cát), Đô thị phía Nam (TX. Thuận An, TX. Dĩ An) và Đô thị phía Bắc (huyện Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên); kết hợp đồng bộ giữa hệ thống đô thị trung tâm với hệ thống đô thị vệ tinh, thị trấn, trung tâm xã, phường.

- Đầu tư các tuyến đường chính kết nối giữa các tuyến đối ngoại với trung tâm đô thị, với các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn. Phát triển hệ thống đường cấp huyện, xã đồng bộ kết nối với các hệ thống đường đô thị và kết nối với đường đối ngoại, vành đai nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống giao thông.

- Triển khai các điều kiện cơ bản để đưa Bình Dương hướng đến lộ trình trở thành một Thành phố Thông minh trong thời gian tới.

6. Phát triển doanh nghiệp

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có 35.000 – 40.000 doanh nghiệp, số vốn đăng ký khoảng 248 nghìn tỷ đồng. Triển khai, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo tinh thần Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp để tạo điều kiện thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp, quốc gia khởi nghiệp.

- Nghiên cứu, vận dụng và chủ động đón đầu các lợi thế khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được phê chuẩn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh mở rộng sản xuất cũng như tạo lợi thế tuyệt đối trong thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các Tổng công ty theo đúng lộ trình chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển các mô hình hợp tác xã liên doanh, liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh đa dạng về ngành nghề. Khuyến khích tổ hợp tác phát triển trong tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết giữa các hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác. Thu hút 80% nông dân tham gia các hình thức kinh tế tập thể hoặc sử dụng dịch vụ của các tổ hợp tác; Thu nhập bình quân trong khu vực hợp tác xã đến năm 2020 đạt 75 triệu đồng/người/năm.

7. Ngân sách, tài chính, tín dụng

- Thu ngân sách hàng năm tăng bình quân 8,9%, dự kiến tổng thu ngân sách 5 năm 2016-2020 đạt 223.500 tỷ đồng; Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, góp

phần nuôi dưỡng nguồn thu của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan. Tăng cường quản lý kê khai thuế, kiểm tra, đơn đốc quyết toán thuế, thực hiện thu nộp vào NSNN đầy đủ kịp thời. Đẩy mạnh việc khai thác nguồn thu sử dụng đất.

- Tổng chi ngân sách tăng bình quân hàng năm 7,9%, dự kiến 5 năm 2016 - 2020 đạt 81.700 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng 36%; Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm; hạn chế tối đa việc bổ sung các khoản chi không cần thiết nằm ngoài dự toán đầu năm.

*** VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI**

1. Đảm bảo an sinh xã hội, xóa nghèo, dạy nghề và giải quyết việc làm

- Huy động các nguồn lực thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các đối tượng chính sách, người có công cách mạng, đối tượng xã hội, hộ nghèo; đảm bảo người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống vùng dân cư nơi cư trú; điều chỉnh trợ cấp kịp thời cho người có công; thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống tệ nạn xã hội nhất là ma túy, mại dâm.

- Giữ vững danh hiệu 100% xã, phường làm tốt công tác hỗ trợ thương binh liệt sĩ và người có công. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em 100% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 0,3% đến 0,5%/năm; đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh dưới 1%. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động, nhất là lao động nông thôn.

- Thực hiện công tác giảm nghèo hiệu quả và bền vững, chủ yếu hỗ trợ người nghèo có việc làm và tạo ra thu nhập ổn định để từng bước thoát nghèo, chống tái nghèo.

- Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 45.000 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% vào năm 2020, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 30% (Đào tạo nghề, dạy nghề dưới 3 tháng và sơ cấp chiếm 54,9%; Trình độ trung cấp chiếm 27,9%; Cao đẳng chiếm 13,1%; Đại học trở lên chiếm 4,1%).

- Gắn mục tiêu đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh với nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp. Đầu tư trang thiết bị cho các trường nghề theo chuẩn quy định, trong đó có một số trường nghề chất lượng cao.

2. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Đạt mức giảm sinh 0,1‰ đến năm 2020; Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/gái) là 106/100 đến cuối năm 2020; Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi là 8,7%; Bình quân 1 vạn dân có 27 giường bệnh và 7,5 bác sỹ (không tính số giường bệnh tuyến xã); Có 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Chú trọng phát triển kỹ thuật đạt trình độ chuyên sâu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và quy mô giường bệnh nhằm nâng hạng bệnh viện. Hoàn thành và đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường và triển khai xây dựng các bệnh

viện chuyên khoa, nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực; tăng cường đầu tư trang thiết bị, áp dụng kỹ thuật cao trong khám và điều trị.

- Triển khai có hiệu quả các Đề án của ngành Y tế, nhất là Đề án liên doanh, liên kết với Đại học Y Dược và Bệnh viện Chợ Rẫy - TP. Hồ Chí Minh về công tác khám chữa bệnh, đào tạo ngắn hạn, chuyển giao công nghệ và thực hiện các dịch vụ y khoa chất lượng cao.

- Triển khai thực hiện tốt chỉ đạo của Bộ Y tế, UBND tỉnh về công tác khám chữa bệnh. Tiếp tục củng cố, ngày càng hoàn thiện mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh. Tích cực áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh. Triển khai hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 3107/QĐ-BYT ngày 28/06/2016 của Bộ Y tế phê duyệt bổ sung, điều chỉnh danh sách bệnh viện tham gia Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; không chể, không để xảy ra dịch bệnh; chủ động phòng, chống các loại bệnh không lây và các vấn đề sức khỏe phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá y tế, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, nhất là đầu tư các cơ sở dịch vụ chất lượng cao để góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Giáo dục và Đào tạo

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp đạt 70-75% (tính trên hệ thống trường công lập); trên 90% số trẻ đạt chuẩn phát triển, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi và không chể tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì trong các trường mầm non dưới 10%; giữ vững tỷ lệ 100% học sinh tiểu học được học ngoại ngữ từ lớp 1, và 75% - 80% học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Phát triển giáo dục đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực và đào tạo nhân tài - cung cấp kịp thời và theo yêu cầu số lượng và chất lượng lao động cho kinh tế.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở các ngành học, cấp học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục để tăng thêm nguồn đầu tư. Quan tâm đầu tư xây dựng trường học mới đồng bộ theo chuẩn quốc gia; tạo điều kiện khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hoá để huy động các nguồn lực tham gia đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học.

- Xây dựng các chương trình đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giáo viên bằng nhiều hình thức nhằm từng bước chuẩn hoá đội ngũ giáo viên. Chú trọng việc bồi dưỡng giáo viên về các kỹ năng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Từng bước triển khai dạy các môn tự nhiên bằng tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông chất lượng cao của tỉnh.

- Phát triển mạnh mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng trường Đại học Thủ Dầu Một, các hạng mục còn lại của Đại học Quốc tế Miền Đông, trường Đại học Việt – Đức.

- Phát triển mạnh mạng lưới giáo dục chuyên nghiệp; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực theo yêu cầu xã hội.

4. Văn hóa, thể thao

- Đến năm 2020 có 100% huyện, thị xã, thành phố đầu tư hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản; 70-80% xã, phường, thị trấn cơ bản có thiết chế văn hóa, thể thao. Hàng năm có trên 96% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hoá”.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá ở các khu dân cư, các khu, cụm công nghiệp. Từng bước hình thành khu văn hóa, thể thao mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế, là nơi quảng bá và giao lưu văn hóa, thể thao, xứng tầm là một đô thị trực thuộc Trung ương, hiện đại, văn minh của cả nước vào năm 2020.

- Phát huy giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hoá và giáo dục nếp sống cho con người.

- Nhân rộng mô hình gia đình văn hoá tiêu biểu, có nề nếp, ông, bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các mô hình, đề án về công tác gia đình.

- Tiếp tục phát triển phong trào thể thao quần chúng, thực hiện các nội dung của Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Thể thao thành tích cao tiếp tục giữ vững thành tích ở các giải quốc gia và quốc tế, đồng thời phát triển thêm một số môn thể thao phù hợp với điều kiện của tỉnh. Triển khai đầu tư lắp đặt các phương tiện phục vụ luyện tập thể thao ngoài trời phục vụ cộng đồng.

5. Thông tin truyền thông và Khoa học công nghệ

- Về thông tin truyền thông

- + Triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”, gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội....

- + Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; tăng cường ứng dụng văn bản điện tử và chữ ký số trong chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp.

- + Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các loại hình thông tin báo chí theo hướng hiện đại. Nâng cao chất lượng, đa dạng hoá nội dung của các cơ quan báo chí, truyền thông. Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình của Chính phủ.

+ Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; tăng cường ứng dụng văn bản điện tử và chữ ký số trong chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp; chú trọng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, kịp thời khắc phục các sự cố trên môi trường mạng.

+ Phát triển bưu chính, viễn thông chất lượng cao, bảo đảm thỏa mãn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Về khoa học và công nghệ

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại trong sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm sản phẩm từ kết quả nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ đổi mới, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm, nâng cao tỷ lệ nội địa hoá trong chế tạo các thiết bị; nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học công nghệ vào giá trị gia tăng của tỉnh.

+ Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án khoa học công nghệ trọng điểm; tăng cường phổ biến, ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế góp phần tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh. Chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các ngành kinh tế, tạo sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

+ Huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ theo hướng xã hội hóa, đơn đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án phát triển tài sản trí tuệ từ các văn bằng sáng chế, giải pháp hữu ích có tính ứng dụng cao.

*** NỘI CHÍNH**

1. Nội vụ, Tư pháp

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với các văn bản của Trung ương và sát với điều kiện thực tế của địa phương. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng thi tuyển, thi nâng ngạch công chức; rà soát, sửa đổi bổ sung các chế độ chính sách về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

Tiếp tục triển khai tốt công tác cải cách hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đặc biệt là tại khu hành chính mở của Trung tâm hành chính tỉnh và bộ phận tiếp dân của UBND cấp huyện.

Thực hiện nghiêm pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thành lập các đoàn công tác xem xét, rà soát trực tiếp các vụ, việc còn tồn đọng, kéo dài, phức

tập để có phương án giải quyết đúng pháp luật, thỏa đáng và chấm dứt theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Quốc phòng - An ninh

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu quả quản lý của Nhà nước, chính quyền các cấp trong thực hiện liên kết củng cố quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Bố trí các công trình quốc phòng, an ninh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành.

Thường xuyên quan tâm, xây dựng cơ chế củng cố và phát triển lực lượng an ninh cơ sở tại địa phương; xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện hoạt động để nâng cao tiềm lực quốc phòng – an ninh trong tình hình mới, bảo đảm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ huy được kịp thời, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn công cộng và môi trường. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc, đưa công tác phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn xã hội. Đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa và tấn công trấn áp các loại tội phạm; đảm bảo tốt hơn về trật tự và an toàn công cộng, an toàn giao thông.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp đồng bộ, quyết liệt về tăng trưởng đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông, xây dựng văn hóa giao thông.

3. Công tác đối ngoại

Tích cực chủ động tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, tranh thủ khai thác có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm phục vụ phát triển kinh tế nhanh, bền vững; triển khai các giải pháp đồng bộ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động đối ngoại, công tác thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp phụ trợ và các ngành dịch vụ.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư vào các khu công nghiệp trong tỉnh, đặc biệt chú trọng cho việc đầu tư vào Khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị và Thành phố mới Bình Dương. Tập trung vào các thị trường tiềm năng và có trình độ quản lý và khoa học kỹ thuật cao như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Đông và các nước Châu Âu.

Duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các Cơ quan đại diện ngoại giao các nước, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan ở Trung ương, địa phương và các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài nhằm đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế.

Phần thứ ba:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:

Xây dựng cơ chế thu hút và khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với từng lĩnh vực, từng ngành nghề và quy định của pháp luật. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành cho phù hợp với tình hình thực tế; Đặc biệt là các cơ chế phân cấp, phân quyền; cơ chế huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển trên địa bàn.

Xây dựng cơ chế thiết thực nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất và bảo vệ môi trường. Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc tư vấn về các vấn đề liên quan đến lựa chọn công nghệ, chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh cơ chế cung cấp thông tin khoa học và công nghệ nói chung và liên quan đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh theo đúng quy định.

Thực hiện và thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chính sách thu hút nguồn nhân lực tỉnh phù hợp với thực tế. Xây dựng các chính sách, cơ chế thu hút tư vấn, chuyên gia có trình độ cao thực hiện các công việc có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, xây dựng chính sách của tỉnh; đồng thời thời có chính sách ưu tiên đối với những cán bộ của của tỉnh được cử đi đào tạo trong và ngoài nước.

Xây dựng các cơ chế, chính sách xã hội hóa trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông.

2. Nhóm giải pháp về vốn đầu tư

Thời kỳ 2016-2020: tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh là 485.000 tỷ đồng, tăng bình quân 11%/năm, chiếm 35% GRDP. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước chiếm 6,7% tổng vốn đầu tư; thu hút vốn đầu tư doanh nghiệp dân doanh chiếm 44,4% và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 40,9%, còn lại là các nguồn vốn khác.

Điều hành hiệu quả công tác thu - chi ngân sách để có nguồn lực đầu tư. Tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và khả năng cân đối vốn của các công trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 và hàng năm được duyệt.

Quản lý chặt chẽ công tác phân bổ vốn, ưu tiên bố trí cho các công trình trọng điểm, quan trọng, ít có khả năng thu hồi vốn có đủ thủ tục theo quy định. Tập trung điều hành tuyệt đối không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản. Khắc phục tình trạng dàn trải, lãng phí, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công gắn với đảm bảo chất lượng công trình khi hoàn thành, đưa vào sử dụng.

Tăng cường trách nhiệm, năng lực quản lý, xây dựng kế hoạch và giám sát đầu tư công của các cơ quan quản lý. Từng bước triển khai công tác giám sát cộng đồng, huy động sự tham gia của các đối tượng thụ hưởng vào quá trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án. Rà soát sử dụng hiệu quả các nguồn vốn kết dư, vốn thường vượt thu và các nguồn vốn khác đưa vào đầu tư ở cấp huyện, cấp xã.

Xây dựng cơ chế, quy trình, danh mục dự án cụ thể để thu hút vốn từ các doanh

ngành có năng lực, kinh nghiệm về tài chính và chuyên môn tham gia đầu tư đối tác công - tư (PPP) và các phương thức phù hợp khác.

Rà soát, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn để mời gọi xã hội hóa các công trình trường học, bệnh viện, công trình văn hóa... Các huyện, thị, thành phố Thủ Dầu Một chủ động rà soát, quy hoạch quỹ đất thích hợp để xây dựng các cơ sở ngoài công lập phù hợp với định hướng phát triển xã hội hóa.

Xây dựng, công bố danh mục các dự án kêu gọi đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020.

Huy động nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư để đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn và chỉnh trang đô thị.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, đảm bảo cung cấp đủ vốn tín dụng đầu tư phát triển cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ thông tin, tăng cường khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước triển khai thực hiện dự án sau đăng ký.

Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư FDI vào lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị, dịch vụ, logistics và các hạ tầng giáo dục, y tế chất lượng cao... thực hiện các hỗ trợ đầu tư về hạ tầng kỹ thuật kết nối trong và ngoài khu, cụm công nghiệp.

3. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh

Tập trung thu hút và phát triển các ngành công nghiệp trên cơ sở chọn lọc gắn với tiềm năng phát triển và lợi thế so sánh của tỉnh, có tính cạnh tranh cao, phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ lực của Bình Dương trong thời gian tới.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên đoàn Doanh nghiệp tỉnh và các Hiệp hội ngành hàng để các doanh nghiệp có điều kiện thống nhất tiếng nói, liên kết sức mạnh trong việc nỗ lực bảo vệ và phát triển thị trường trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tăng cường đầu tư liên kết với các ngành công nghiệp phụ trợ để tăng dần tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của từng sản phẩm xuất khẩu.

Tổ chức các đoàn doanh nghiệp tham dự hội chợ (trong và ngoài nước), khảo sát thị trường... giúp các doanh nghiệp quảng bá và tiêu thụ hàng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường, gia tăng khách hàng. Đồng thời tham gia các chương trình hợp tác, liên kết giữa các tỉnh, thành phố giữa các vùng, miền nhằm tạo nguồn sản phẩm cho xuất khẩu.

Rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân trong công tác đăng ký kinh doanh. Triển khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp qua mạng; phần mềm quản lý dự án đầu tư nước ngoài; xây dựng quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư nước ngoài với Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý VSIP.

Nâng cấp trang thông tin điện tử của tỉnh và của các sở, ban, ngành theo hướng: tạo điều kiện dễ dàng cho doanh nghiệp tiếp cận, truy xuất các chính sách hỗ

trợ doanh nghiệp của tỉnh, công khai danh mục và nội dung của các tài liệu quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt của tỉnh.

Các ngành, các cấp định kỳ tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, nhà đầu tư; đảm bảo cạnh tranh công bằng giữa các thành phần doanh nghiệp trong nền kinh tế.

4. Nhóm giải pháp về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

Hỗ trợ về cơ chế, chính sách để khuyến khích thành lập cơ sở đào tạo tại tỉnh. Giám sát chặt chẽ và ban hành các quy định để đảm bảo các cơ sở giáo dục tư sẽ cung cấp dịch vụ đạt chất lượng. Hợp tác giữa nhà nước và tư nhân trong đào tạo, dạy nghề.

Nâng cao tay nghề của lao động ở các vị trí hiện tại để tăng năng suất lao động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các khóa đào tạo ngắn hạn cho lao động đang giữ các vị trí công việc hiện tại sẽ cho phép người lao động cải thiện kỹ năng và nâng cao năng suất.

Tạo điều kiện khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục để tăng thêm nguồn đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng ở các bậc học. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với người lao động và người sử dụng lao động; thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức về pháp luật lao động cho cán bộ công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp.

Tập trung thực hiện tốt hệ thống chính sách về lao động, người có công đảm bảo gắn phát triển kinh tế với công bằng xã hội; thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án phát triển an sinh xã hội.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội, công tác xã hội, chăm sóc, điều dưỡng người có công; nghiên cứu, điều tra, rà soát và điều chỉnh chính sách nâng cao đời sống, khả năng hòa hợp cộng đồng của những người thiếu điều kiện phát triển.

5. Nhóm giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu

- Không ngừng đổi mới, coi trọng khoa học công nghệ, trước hết tập trung vào các khâu trọng yếu, các chương trình phát triển và ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ, chuẩn bị điều kiện để nối mạng với cả nước. Đẩy mạnh việc áp dụng và phát triển công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý.

- Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng theo kế hoạch; chú trọng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, kịp thời khắc phục các sự cố trên môi trường mạng.

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Hoàn thiện và đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên, môi trường tại địa phương.

- Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường; áp dụng công nghệ mới trong xử lý và tái chế chất thải; ứng dụng công nghệ sản xuất, xây dựng tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, năng lượng, ít chất thải, các-bon thấp.

- Đôn đốc, kiểm tra các nhà đầu tư khu, cụm công nghiệp trong việc đầu tư xử lý, khắc phục có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường. Xây dựng chương trình ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu trên địa bàn tỉnh, giải quyết kịp thời các sự cố về môi trường.

6. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước

Tiếp tục triển khai tốt công tác cải cách hành chính. Rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động công vụ.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, mở rộng dân chủ trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện kiên quyết các biện pháp phòng ngừa và chống tham nhũng; Kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tham nhũng với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

7. Nhóm giải pháp về xã hội hóa

Hàng năm, ngân sách tỉnh dành ra một khoản kinh phí để thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng giao đất sạch cho các tổ chức, cá nhân và nhà đầu tư thực hiện các dự án xã hội hóa theo Quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt mô hình liên doanh, liên kết giữa Bệnh viện với nhà đầu tư trong việc cung cấp các trang thiết bị hiện đại.

Tăng cường phát triển các loại hình cơ sở giáo dục ngoài công lập đối với khối mầm non, phát triển các trường tư thục chất lượng cao, các trường có yếu tố quốc tế, đặc biệt ở khu vực thành thị, vùng có đủ điều kiện thích hợp. Triển khai thực hiện cổ phần hoá một số các cơ sở đào tạo. Mở rộng tổ chức các quỹ khuyến học, hình thành quỹ học bổng, khuyến tài, bảo trợ giáo dục, khuyến khích các cá nhân và tổ chức đóng góp vào sự phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh.

Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ thể thao quần chúng, thể thao thành tích

cao gắn với các doanh nghiệp trên địa bàn; huy động nguồn lực của nhân dân để tu bổ tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử của địa phương; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh.

Tăng cường vận động các nhà hảo tâm, khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia tài trợ các chương trình an sinh xã hội của tỉnh.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) phải được tổ chức quán triệt sâu rộng trong các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, đồng thời phải chú ý tuyên truyền tới nhân dân, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia để thực hiện tốt nhiệm vụ đã đề ra.

2. Nâng cao năng lực điều hành, cải tiến phương pháp chỉ đạo điều hành. Lựa chọn những vấn đề cấp bách, thiết thực có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để ưu tiên chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện các cấp, các ngành ngành phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển để xây dựng cụ thể hóa thành các chương trình, dự án để triển khai thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, tập trung giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 5 năm 2016-2020./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Q/Khu 7;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.TU, ĐDBQH, TT.HĐND;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP ĐDBQH, VP.HĐND tỉnh;
- Đảng ủy: Khối CQ, Khối DN tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Website TỈNH;
- UBND các huyện, thị xã, TP.TDM;
- LĐVP, CV, các phòng, Trung tâm, TH;
- Lưu VT./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm